

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 12/4/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và ông Nông Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tiến Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thuý Ng; Sinh năm: 2000;

Địa chỉ: Thôn Tr, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L; Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thuý Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ng và anh Phạm Văn L kết hôn ngày 14/10/2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không cùng nhau vun vén kinh tế, anh L thường hay đánh và chửi chị, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống chung không hạnh phúc, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành, hiện đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L;

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Thu Ng1 sinh ngày 13/3/2020 và cháu Phạm Quốc H sinh ngày 25/9/2022. Cháu Ng1 đang ở với bố, cháu H đang ở với mẹ, các cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường. Chị Ng có nguyện vọng

trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu, chị có thu nhập khoảng 6 triệu một tháng đủ để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Khi khởi kiện chị có yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.500.000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên đến khi xét xử chị Ng thay đổi yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nữa mà để anh L tự thực hiện. Anh L không thực hiện chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Về quan hệ tài sản: Chị Ng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L, đã triệu tập anh L đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng xác định: Hai vợ chồng chị Ng và anh L thời gian đầu chung sống không có vấn đề gì, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, gia đình và địa phương cũng đã hoà giải nhưng không thành. Hiện anh chị có hai con chung là cháu Phạm Thu Ng1 sinh ngày 13/3/2020 đang ở với bố và cháu Phạm Quốc H sinh ngày 25/9/2022 đang ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm qui định tại điều 70, 72 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điều 51, điều 53, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ng được ly hôn với anh L; Căn cứ các điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao hai cháu Ng1, H cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Ng phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 30/01/2023 Chị Nguyễn Thuý Ng nộp đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Phạm Văn L; Địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị Ng có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 02/02/2023 chị Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Ng theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thuý Ng và anh Phạm Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Ng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thuý Ng và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/10/2019, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nga, anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, hai vợ chồng không cùng nhau vun vén kinh tế, hiện không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú xác nhận tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Ng, giải quyết cho ly hôn giữa chị Ng với anh L.

Về con chung: Chị Ng và anh L có hai con chung là cháu Phạm Thu Ng1 sinh ngày 13/3/2020 và cháu Phạm Quốc H sinh ngày 25/9/2022. Cháu Ng1 đang ở với bố, cháu H đang ở với mẹ. Chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với cháu Phạm Quốc H sinh ngày 25/9/2022 cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Hưng cho chị Nga trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với cháu Phạm Thu Ng1 sinh ngày 13/3/2020, hiện cháu đang ở với anh L. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập anh L đến để làm rõ quan điểm, nguyện vọng của anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án nên không có cơ sở xác định anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân hay không. Mặt khác, chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Cháu Ng1 lại là con gái, còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc lâu dài của người mẹ nhiều hơn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Ng1 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là phù hợp với nguyện vọng của chị Ng, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và giới tính của cháu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Ng phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thuý Ng, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thuý Ng và anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phạm Thu Ng1 sinh ngày 13/3/2020 và cháu Phạm Quốc H sinh ngày 25/9/2022 cho chị Nguyễn Thuý Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thuý Ng phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0005125 ngày 02/02/2023, chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Thanh Hưng;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc